

Sách Giáo Viên Tiếng Việt Lớp 2 Tập 2 – Kết Nối Tri Thức

 sachgiaibaitap.com/sach-giao-vien-tieng-viet-lop-2-tap-2-ket-noi-tri-thuc/

14 tháng 9, 2021



Xem toàn bộ tài liệu Lớp 2 – Kết Nối Tri Thức: [tại đây](#).

Sách Giáo Viên Tiếng Việt Lớp 2 Tập 2 – Kết Nối Tri Thức gồm các bài sau:

MỤC LỤC

- EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
- Bài 1. – Đọc: Tôi là học sinh lớp 2

– **Viết: Chữ hoa A**

– **Nói và nghe: Những ngày hè của em**

Bài 2. – Đọc: Ngày hôm qua đầu rồi?

– **Viết: – Nghe – viết: Ngày hôm qua đầu rồi?**

– **Bảng chữ cái**

– **Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động: Cầu giới thiệu**

– **Viết đoạn văn giới thiệu bản thân**

– Đọc mở rộng

Bài 3. – Đọc: Niềm vui của Bi và Bổng

– Viết: Chữ hoa Ă, Â

– Nói và nghe: Kể chuyện Niềm vui của Bi và Bổng

Bài 4. – Đọc: Làm việc thật là vui

– Viết: – Nghe – viết: làm việc thật là vui

– Bảng chữ cái

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động: Cầu nêu hoạt động

– Viết đoạn văn kể một việc làm ở nhà

– Đọc mở rộng

Bài 5. – Đọc: Em có xinh không?

– Viết: Chữ hoa B

– Nói và nghe: Kể chuyện Em có xinh không?

Bài 6. – Đọc: Một giờ học

– Viết: – Nghe – viết: Một giờ học

– Bảng chữ cái

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm: Câu nêu đặc điểm

– Viết đoạn văn kể việc thường làm

– Đọc mở rộng

Bài 7. – Đọc: Cây xấu hổ

– Viết: Chữ hoa C

– Nói và nghe: Kể chuyện Chú đỗ con

Bài 8. – Đọc: Cầu thủ dự bị

– Viết: – Nghe – viết: Cầu thủ dự bị

– Viết hoa tên người

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, Câu nêu hoạt động

– Viết đoạn văn kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi

– Đọc mở rộng

- ĐI HỌC VUI SAO
- Bài 9. – Đọc: Cô giáo lớp em

– Viết: Chữ hoa D

– Nói và nghe: Kể chuyện Cậu bé ham học

Bài 10. – Đọc: Thời khoá biểu

– Viết: – Nghe – viết: Thời khoá biểu

– Phân biệt: c/k, ch/tr, v/d

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động: Câu nêu hoạt động

– Viết thời gian biểu

– Đọc mở rộng

Bài 11. – Đọc: Cái trống trường em

– Viết: Chữ hoa Đ

– Nói và nghe: Ngôi trường của em

Bài 12. – Đọc: Danh sách học sinh

– Viết: – Nghe – viết: Cái trống trường em

– Phân biệt: g/gh, s/x, hỏi/ngõ

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm: Câu nêu đặc điểm

– lập danh sách học sinh (tổ)

– Đọc mở rộng

Bài 13. – Đọc: Yêu lắm trường ơi!

– Viết: Chữ hoa E, Ê

– Nói và nghe: Kể chuyện Bữa ăn trưa

Bài 14. – Đọc: Em học vẽ

– Viết: – Nghe – viết: Em học vẽ

– Phân biệt: ng/ngh, r/d/gi, an/ang

- Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật; Dấu chấm, dấu chấm hỏi
- Viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật
- Đọc mở rộng

Bài 15. – Đọc: Cuốn sách của em

- Viết: Chữ hoa G
- Nói và nghe: Kể chuyện Hoạ mi, vẹt và quạ

Bài 16. – Đọc: Khi trang sách mở ra

- Viết: – Nghe – viết: Khi trang sách mở ra
- Viết hoa tên người
- Phân biệt: l/n, ăn/ăng, ân/âng
- Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm; Dấu chấm, dấu chấm hỏi
- Viết đoạn văn tả đồ dùng học tập
- Đọc mở rộng

- Ôn tập giữa học kì 1
- NIỀM VUI TUỔI THƠ
- Bài 17. – Đọc: Gọi bạn

- Viết: Chữ hoa H
- Nói và nghe: Kể chuyện Gọi bạn

Bài 18. – Đọc: Tớ nhớ cậu

- Viết: – Nghe – viết: Tớ nhớ cậu
- Phân biệt: c/k, iêu/yêu, en/eng
- Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè, Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than
- Viết đoạn văn kể về một hoạt động em tham gia cùng bạn
- Đọc mở rộng

Bài 19. – Đọc: Chữ A và những người bạn

- Viết: Chữ hoa I, K

– Nói và nghe: Niềm vui của em

Bài 20. – Đọc: Nhím nấu kết bạn

– Viết: – Nghe – viết: Nhím nấu kết bạn

– Phân biệt g/gh, iu/ưu, iên/iêng

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động: Câu nêu hoạt động

– Viết đoạn văn kể về một giờ ra chơi

– Đọc mở rộng

Bài 21. – Đọc: Thả diều

– Viết: Chữ hoa L

– Nói và nghe: Kể chuyện Chúng mình là bạn

Bài 22. – Đọc: Tờ là lê-gô

– Viết: – Nghe – viết: Đồ chơi yêu thích

– Phân biệt: ng/ngh, ch/tr, uôn/uông

– Luyện tập: – Từ ngữ chỉ sự vật, Câu nêu đặc điểm

– Viết đoạn văn giới thiệu một đồ chơi

– Đọc mở rộng

Bài 23. – Đọc: Rong rần lên mây.

– Viết: Chữ hoa M

– Nói và nghe: Kể chuyện Búp bê biết khóc

Bài 24. – Đọc: Nặn đồ chơi

– Viết: – Nghe – viết: Nặn đồ chơi

– Phân biệt: d/gi, s/x, ươn/ương

– Luyện tập: – Dấu phẩy

– Viết đoạn văn tả đồ chơi

– Đọc mở rộng

- MÁI ẤM GIA ĐÌNH

- Bài 25. – Đọc: Sự tích hoa tử muội

– **Viết: Chữ hoa N**

– **Nói và nghe: Kể chuyện Hai anh em**

Bài 26. – Đọc: Em mang về yêu thương

– **Viết: – Nghe – viết: Em mang về yêu thương**

– **Phân biệt: iên/yên/uyên, r/d/gi, ai/ay**

– **Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về gia đình, từ ngữ chỉ đặc điểm: Câu nêu đặc điểm**

– **Viết đoạn văn kể một việc người thân đã làm cho em**

– **Đọc mở rộng**

Bài 27. – Đọc: Mẹ

– **Viết: Chữ hoa O**

– **Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích cây vú sữa**

Bài 28. – Đọc: Trò chơi của bố

– **Viết: – Nghe – viết: Trò chơi của bố**

– **Viết hoa tên riêng địa lí**

– **Phân biệt: l/n, ao/au**

– **Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than**

– **Viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân Đọc mở rộng**

Bài 29. – Đọc: Cánh cửa nhớ bà

– **Viết: Chữ hoa O, Ơ**

– **Nói và nghe: Kể chuyện Bà cháu**

Bài 30. – Đọc: Thương ông

– **Viết: – Nghe – viết: Thương ông**

– **Phân biệt: ch/tr, at/ac**

– **Luyện tập: – Từ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động**

– **Viết đoạn văn kể việc đã làm cùng người thân**

– **Đọc mở rộng**

Bài 31. – Đọc: Ánh sáng của yêu thương

- **Viết: Chữ hoa P**
- **Nói và nghe: Kể chuyện Ánh sáng của yêu thương**

Bài 32. – Đọc: Chơi chong chóng

- **Viết: – Nghe – viết: Chơi chong chóng**
- **Phân biệt: iu/ưu; ắt/ắc, ắt/ắc**
- **Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình; Dấu phẩy**
- **Viết tin nhắn**
- **Đọc mở rộng**

Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 1